

Số: 107.31CV-ACBS-20

TP HCM, ngày 10 tháng 07 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**
  - Mã chứng khoán:
  - Địa chỉ trụ sở chính: *41 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh*
  - Điện thoại: 84-8 38.234.159
  - Fax: 84-8 38.235.060
  - Người thực hiện công bố thông tin: *Đỗ Thị Ngọc Hạnh*  
Chức vụ: Trưởng Phòng Kiểm soát Nội bộ
- Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố**

- Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp:
  - + Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu (kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020);
  - + Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư (kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/07/2020 tại đường dẫn: <http://acbs.com.vn>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



Đại diện tổ chức  
Người UQ CBTT

Đỗ Thị Ngọc Hạnh



TPHCM, Ngày 09 Tháng 07 Năm 2020

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP**

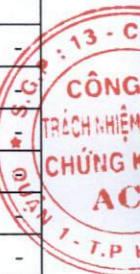
Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán, Quý trái chủ

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu

Đơn vị: VNĐ

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020)

STT	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số dư đầu kỳ		Thanh toán trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	
				Gốc	Lãi	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
1	1 năm	29/03/2019	30/03/2020	10,000,000,000	209,205,480	10,000,000,000	413,863,014	-	-
2	1 năm	29/03/2019	30/03/2020	30,000,000,000	650,301,371	30,000,000,000	1,286,465,753	-	-
3	1 năm	29/03/2019	30/03/2020	11,000,000,000	224,580,823	11,000,000,000	444,279,452	-	-
4	1 năm	29/03/2019	30/03/2020	14,000,000,000	292,887,671	14,000,000,000	429,326,027	-	-
5	1 năm	29/03/2019	30/03/2020	1,000,000,000	20,920,548	1,000,000,000	41,386,302	-	-
6	1 năm	29/03/2019	30/03/2020	10,000,000,000	216,767,124	10,000,000,000	428,821,918	-	-
7	1 năm	05/04/2019	06/04/2020	10,000,000,000	200,273,973	10,000,000,000	428,821,918	-	-
8	1 năm	05/04/2019	06/04/2020	14,000,000,000	270,602,739	14,000,000,000	579,408,219	-	-
9	1 năm	12/04/2019	13/04/2020	10,000,000,000	177,369,863	10,000,000,000	413,863,014	-	-
10	1 năm	12/04/2019	13/04/2020	10,000,000,000	183,780,823	10,000,000,000	428,821,918	-	-
11	1 năm	19/04/2019	20/04/2020	6,000,000,000	100,372,603	6,000,000,000	257,293,151	-	-
12	1 năm	19/04/2019	20/04/2020	5,000,000,000	83,643,836	5,000,000,000	214,410,959	-	-
13	1 năm	19/04/2019	20/04/2020	6,000,000,000	100,372,603	6,000,000,000	257,293,151	-	-
14	1 năm	26/04/2019	27/04/2020	7,000,000,000	105,556,164	7,000,000,000	300,175,342	-	-
15	1 năm	26/04/2019	27/04/2020	7,000,000,000	105,556,164	7,000,000,000	300,175,342	-	-
16	1 năm	26/04/2019	27/04/2020	15,000,000,000	231,452,055	15,000,000,000	658,191,781	-	-
17	1 năm	26/04/2019	27/04/2020	15,000,000,000	231,452,055	15,000,000,000	658,191,781	-	-
18	1 năm	26/04/2019	27/04/2020	3,000,000,000	45,238,356	3,000,000,000	128,646,575	-	-
19	1 năm	26/04/2019	27/04/2020	5,000,000,000	75,397,261	5,000,000,000	214,410,959	-	-
20	1 năm	17/05/2019	18/05/2020	5,000,000,000	50,657,534	5,000,000,000	214,410,959	-	-
21	1 năm	24/05/2019	25/05/2020	1,000,000,000	8,482,192	1,000,000,000	42,882,192	-	-





STT	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số dư đầu kỳ		Thanh toán trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	
				Gốc	Lãi	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
22	1 năm	24/05/2019	25/05/2020	40,000,000,000	351,123,287	40,000,000,000	1,775,123,288	-	-
23	1 năm	24/05/2019	25/05/2020	7,000,000,000	61,446,576	7,000,000,000	310,646,575	-	-
24	1 năm	27/05/2019	27/05/2020	12,000,000,000	97,249,315	12,000,000,000	520,569,863	-	-
25	1 năm	21/06/2019	22/06/2020	12,000,000,000	23,145,205	12,000,000,000	526,553,425	-	-
26	1 năm	10/06/2019	11/06/2020	7,000,000,000	32,986,301	7,000,000,000	301,824,658	-	-
27	1 năm	21/06/2019	22/06/2020	20,000,000,000	37,698,630	20,000,000,000	857,643,836	-	-
28	1 năm	16/08/2019	17/08/2020	8,000,000,000	262,739,727		354,794,521	8,000,000,000	256,986,303
29	1 năm	23/09/2019	23/09/2020	100,000,000,000	2,319,041,097	-	4,263,287,672	50,000,000,000	1,159,520,548
30	1 năm	23/09/2019	23/09/2020	100,000,000,000	2,319,041,097	-	4,263,287,672	150,000,000,000	3,478,561,644
31	1 năm	22/05/2020	22/05/2021	-	-	-	-	147,000,000,000	1,230,476,713
32	1 năm	29/05/2020	31/05/2021	-	-	-	-	50,000,000,000	347,178,085
33	1 năm	05/06/2020	07/06/2021	-	-	-	-	33,000,000,000	176,301,370
34	1 năm	09/06/2020	11/06/2021	-	-	-	-	4,000,000,000	18,410,959
35	1 năm	12/06/2020	14/06/2021	-	-	-	-	66,000,000,000	260,383,562
36	1 năm	19/06/2020	21/06/2021	-	-	-	-	5,000,000,000	12,054,795
37	1 năm	24/06/2020	24/06/2021	-	-	-	-	33,000,000,000	43,397,260
38	1 năm	26/06/2020	28/06/2021	-	-	-	-	8,000,000,000	7,013,699

II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư  
(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020)

Loại nhà đầu tư	Dư nợ đầu kỳ		Thay đổi trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<b>I. Nhà đầu tư trong nước</b>	293	58.48%	25	47.17%	318	57.40%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	47	9.38%	(10)	-18.87%	37	6.68%
a. Tổ chức tín dụng	-	-	-	-	-	-
b. Quỹ đầu tư	40	7.98%	(10)	-18.87%	30	5.42%
c. Công ty bảo hiểm	7	1.40%	(7)	-13.21%	-	-
d. Công ty cổ phần	-	-	7	13.21%	7	1.26%
2. Nhà đầu tư cá nhân	246	49.10%	35	66.04%	281	50.72%
<b>II. Nhà đầu tư nước ngoài</b>	208	41.52%	28	52.83%	236	42.60%
1. Nhà đầu tư có tổ chức	200	39.92%	-	0.00%	200	36.10%
a. Tổ chức tín dụng	-	-	-	-	-	-

Loại nhà đầu tư	Dư nợ đầu kỳ		Thay đổi trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
b. Quỹ đầu tư	200	39.92%	-	-	200	36.10%
c. Công ty bảo hiểm	-		-	-	-	
d. Công ty cổ phần	-		-	-	-	
2. Nhà đầu tư cá nhân	8	1.60%	28	52.83%	36	6.50%
<b>Tổng</b>	<b>501</b>	<b>100.00%</b>	<b>53</b>	<b>100.00%</b>	<b>554</b>	<b>100.00%</b>

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trường hợp phát hành trái phiếu quốc tế);
- Tổ chức/cá nhân phê duyệt phương án phát hành;
- Tổ chức chấp thuận phương án phát hành;
- Lưu: DN.



*Trịnh Thanh Cần*

